

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2020/HS-ST.

Ngày: 14-5-2020.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **La Thị Hồng Gấm**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Trọng Phú**.

2. Bà **Lý Thị Bạch Tuyết**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Ngọc Tình** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông **Lê Viết Xuân** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Võ Hoài C, sinh ngày 28/01/1984 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Hộ khẩu thường trú: Ấp Tân Hòa, xã Long Tân, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 10/12 Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Hoài A và bà Nguyễn Thị H. Có vợ tên Võ Thị N, có 01 con sinh năm 2015.

Tiền án: không.

Tiền sự: Ngày 03/04/2019 bị Công an huyện Đất Đỏ tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Nhân thân: Ngày 27/11/2006, bị Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xử phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999. Chấp hành xong ngày 24/10/2007 (Bản án số 04/2006 ngày 27/11/2006).

Bị bắt tạm giữ ngày 15/01/2020 và chuyển tạm giam đến nay (có mặt).

- *Bị hại:* Chị **Trương Thị Nữ T**, sinh năm: 1985 (xin vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Ấp Suối Trầu 2, xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- *Người làm chứng:*

1/ Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm: 1936 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Suối Trầu 2, xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

2/ Anh **Nguyễn Nhật D**, sinh năm: 2001 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Suối Trầu 2, xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Hoài C đã có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản. Lúc 15 giờ ngày 15/01/2020, Võ Hoài C điều khiển xe mô tô biển số 72H1-263.89 đi từ thị trấn Long Thành về hướng xã Bình Sơn. Khi đi đến tiệm tạp hóa của chị Trương Thị Nữ T làm chủ ở ấp Suối Trầu 2, xã Bình Sơn, huyện Long Thành thì C dừng xe để mua hàng. C đi vào tiệm hỏi mua hàng thì phát hiện 01 cái ví màu đen (bên trong đựng 3.200.000 đồng) để dưới nền nhà nên C nảy sinh ý định chiếm đoạt. Lợi dụng lúc chị T đi lấy hàng, C lén lút lấy 01 ví da rồi chạy ra ngoài lên xe mô tô để chạy thoát thì bị chị T phát hiện, chạy ra kéo xe C lại đồng thời truy hô mọi người bắt giữ C cùng tang vật.

Vật chứng vụ án: 01 ví da màu đen bên trong có chứa số tiền 3.200.000 đồng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành đã thu hồi trả lại cho bị hại chị Trương Thị Nữ T. 01 xe mô tô biển số 72H1-263.89 do bị cáo C sử dụng làm phương tiện phạm tội (đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành).

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Trương Thị Nữ T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 59/CT-VKSLT ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố bị cáo Võ Hoài C về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo C từ 08 tháng đến 10 tháng tù giam. Về xử lý vật chứng: đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước 01 xe mô tô biển số 72H1-263.89 do bị cáo C sử dụng làm phương tiện phạm tội.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có tại hồ sơ; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét₂ đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của

Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại, người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị hại chị Trương Thị Nữ T, người làm chứng bà Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Nhật D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, lời khai của chị T, bà X và anh D đã có đầy đủ trong hồ sơ vụ án, trách nhiệm dân sự đã được giải quyết xong; Tòa án xét xử vắng mặt bị hại và người làm chứng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều hợp pháp, đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[3] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng cùng các vật chứng, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập tại hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, bị cáo Võ Hoài C khai nhận: Lúc 15 giờ 30 phút ngày 15/01/2020, tại tiệm tạp hóa của chị Trương Thị Nữ T thuộc ấp Suối Trầu 2, xã Bình Sơn, huyện Long Thành, C đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 ví bên trong có số tiền 3.200.000 đồng của chị T thì bị bắt quả tang. Đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Võ Hoài C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo có nhân thân xấu, năm 2019 đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản nhưng bị cáo không sửa đổi. Do có tư tưởng hưởng thụ, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu xài nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp sự trừng trị của pháp luật. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị

cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo có cha ruột là thương binh, mẹ ruột là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến nên xem xét áp dụng điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Trương Thị Nữ T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 ví da màu đen bên trong có chứa số tiền 3.200.000 đồng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành đã thu hồi trả lại cho bị hại chị Trương Thị Nữ T là có căn cứ. Cần tịch thu nộp ngân nhà nước 01 xe mô tô biển số 72H1-263.89, số máy E3T6E342414, số khung 1710JY233815 do bị cáo C sử dụng làm phương tiện phạm tội.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo **Võ Hoài C** phạm tội ***“Trộm cắp tài sản”***.

Xử phạt bị cáo **Võ Hoài C 07 (bảy) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 15/01/2020.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 xe mô tô đã qua sử dụng biển số 72H1-263.89, số máy E3T6E342414, số khung 1710JY233815 do bị cáo C sử dụng làm phương tiện phạm tội. Vật chứng này hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Long Thành theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25/3/2020.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo C phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại chị Trương Thị Nữ T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trọng Phú Lý Thị Bạch Tuyết

La Thị Hồng Gấm